

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 94/2023/DS-PT

Ngày 14/12/2023

"V/v tranh chấp H1 đồng mua bán tài sản"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp H1 đồng mua bán tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Qu định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2023/QĐPT-DS ngày 20/11/2023, Qu định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐ-PT ngày 08/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Thọ H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã TT, Hện N, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Thọ H: Bà Phạm Trần Phương T, sinh năm 1997; địa chỉ: Lô NV09.02B Khu đô thị mới T, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H1 pháp của anh H: Ông Nguyễn Trọng Qu - Luật sư của văn phòng luật sư An Phước thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1959; ĐKKHKT: KDC P, phường H, thành phố CL, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Số 99 THT, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Hoàng Xuân Tr, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 21/75 Bùi Thị Xuân, phường LTN, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và ông Vũ Mạnh C, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 2/33 BK, phường THĐ, thành phố Hải

Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã CH, Hện N, tỉnh Hải Dương.

- Ông Trần H1, sinh năm 1958 và bà Cao Thị Th2, sinh năm 1964; đều có chỉ: Thôn A, xã Đ, Hện CG, tỉnh Hải Dương.

4. Những người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 10 Nguyễn Văn T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn NĐ, xã BM, Hện BG, tỉnh Hải Dương.

-Anh Cao Mã D, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 12 ngõ Q, thị trấn Kt, Hện BG, tỉnh Hải Dương.

- Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1989; địa chỉ: TX, NH, N, Hải Dương.

- Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn B, xã T, Hện KM, tỉnh Hải Dương.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Th.

Tại phiên tòa có mặt anh H, bà T, ông Qu, ông Tr, ông C, chị Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn anh Đinh Thọ H trình bày:

Anh và bà Trần Thị Th có quan hệ làm ăn với nhau. Bà Th trước đây có chăn nuôi cá ở sông thuộc thôn A, xã CH, Hện N, tỉnh Hải Dương. Anh H là hộ kinh doanh bán cám chăn nuôi cá nên đã chủ động xuống khu vực bà Th nuôi cá để gặp bà Th, giới thiệu sản phẩm cám. Qua trao đổi bằng lời nói, bà Th đồng ý mua cám nuôi cá của đại lý anh H. Những lần đầu anh H bán cám nuôi cá cho bà Th thì bà Th có trả tiền ngay, sau đó bà Th chưa có tiền nên đã đề nghị anh cho bà Th nợ lại tiền cám 01 tháng kể từ ngày giao hàng. Anh H cũng đồng ý phương án bà Th đưa ra và vẫn cung cấp cám cho bà Th. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ 30/9/2019 đến ngày 22/11/2019, bà Th nhiều lần mua cám của anh H nhưng không trả tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày 30/9/2019: Anh Cao Mã D (lái xe của nhà anh H) giao cho bà Th tổng số 100 bao cám, chủng loại 882 (cám cá). Bà Th là người trực tiếp nhận hàng, ký nhận và ghi giá cám là 305.000đ/bao.

- Ngày 11/10/2019: Anh Cao Mã D tiếp tục giao cho ông Trần H1 (là người nuôi cá chung với bà Th), tổng giao 100 bao cám, chủng loại 882 (cám cá); trong giấy giao hàng không ghi giá tiền.

- Ngày 19/10/2019: Anh D giao cho ông Nguyễn Văn Q1 (là người nuôi cá chung với bà Th), tổng giao 30 bao cám chủng loại 1055 (cám cá); trong giấy giao hàng không ghi giá tiền.

- Ngày 21/10/2019: Anh D giao cho ông Q1 (là người nuôi cá chung với bà Th), tổng giao 100 bao cám chủng loại 1055 (cám cá); trong giấy giao hàng không ghi giá tiền.

- Ngày 31/10/2019: Anh D giao cho bà Cao Thị Th2 (là người nuôi cá chung với bà Th) tổng giao 100 bao cám mã 882; trong giấy giao hàng không ghi giá tiền.

- Ngày 22/11/2019: Anh D giao cho ông Trần H1 (là người nuôi cá chung với bà Th) tổng 100 bao cám mã 882.

Tổng số lượng bao cám cá anh H bán cho bà Th là 130 bao, chủng loại 1055 và 400 bao, chủng loại 882.

Về giá cám: Anh H xác định giá cám bán cho bà Th chủng loại cám 882 là 305.000đ/bao; chủng loại 1055 là 295.000đ/bao. Việc anh H xác định giá các bao cám dựa trên căn cứ do hai bên thỏa thuận với nhau. Ngoài ra anh H mua cám của công ty, hóa đơn nhập hàng của công ty cao hơn giá anh bán ra cho bà Th vì anh được hưởng chiết khấu hoa hồng. Đối với loại cám 882, ngày 30/9/2019, bà Th trực tiếp nhận 100 bao đã ghi giá 305.000đ/01 bao.

Tổng số cám bà Th mua của anh H là: 130 bao cám (chủng loại 1055) x 295.000đ/bao = 38.350.000đ và 400 bao cám (chủng loại 882) x 305.000đ/bao = 122.000.000đ. Tổng số tiền là 160.350.000đ. Khoảng cuối năm 2019, bà Th có nhờ chị Nguyễn Thị Th (là nhân viên kinh doanh cám của Công ty TNHH TongWei Hải Dương) trả anh số tiền là 20 Tr đồng. Số tiền còn lại là 140.350.000 đồng, bà Th chưa trả cho anh H.

Từ năm 2019 đến nay anh H đã nhiều lần đòi bà Th số tiền cám còn nợ lại nhưng bà Th không trả. Ngày 22/6/2021, anh H đã gửi văn bản yêu cầu bà Th trả nợ nhưng bà Th không trả nên anh H đã gửi đơn tố giác ra Công an Hện N, sau đó Công an xác định đây là vụ kiện dân sự nên anh đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Anh H xác định chỉ giao dịch mua bán cám với bà Th; không giao dịch bán cám cho ông Q1, bà Th2 hay ông H1. Ông Q1, bà Th2, ông H1 cũng chưa bao giờ hỏi anh mua cám hay thỏa thuận về giá cả bán cám mà các ông bà trên chỉ nhận cám hộ bà Th. Anh bán cám cho bà Th thì bà Th phải có nghĩa vụ trả tiền cám cho anh, anh không đòi tiền cám của ông Q1, bà Th2, ông H1. Do đó, anh H yêu cầu bà Th trả lại cho anh số tiền bán cám còn nợ lại là 140.350.000đ, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác, bị đơn bà Trần Thị Th cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Xuân Tr trình bày:

Bà Th không có quan hệ họ hàng gì với anh H, anh H có một đôi lần xuống chỗ

bà Th chăn nuôi cá hồi bà có lấy cám nuôi cá hay không nhưng bà không mua cám cá của anh H. Anh H khởi kiện cho rằng trong khoảng thời gian từ ngày 30/9/2019 - 22/11/2019, bà Th nhiều lần mua cám cá của anh H nhưng không trả tiền. Bà Th xác định tài liệu do anh H xuất trình cho Tòa án có bản gốc giấy giao cám ngày 30/9/2019 có nội dung “*Giao cám cho cô Th CH 882 = 100, tổng thể 100 bao (một trăm bao cám) giá 305.000đ chưa T²*” có chữ ký của bà Th chính là chữ ký của bà Th và do bà nhận cám. Tuy nhiên số bao cám bà ký nhận như trong giấy anh H xuất trình thì bà Th gọi lấy cám của chị Nguyễn Thị Th (là nhân viên kinh doanh cám của công ty TNHH TongWei Hải Dương) và bà đã trả tiền sau hai, ba ngày lấy cám. Việc bà Th trả tiền cho chị Th thì đến nay bà Th chưa tìm thấy giấy tờ về việc trả tiền cho chị Th nên không có để xuất trình cho Tòa án.

Đối với các giấy tờ do anh H xuất trình cho Tòa án có các lần do ông Trần H1, ông Nguyễn Văn Q1, bà Cao Thị Th2 nhận cám bà Th xác định giữa bà Th và ông H1, bà Th2, anh Q1 không có quan hệ họ hàng mà có quan hệ làm ăn chăn nuôi cá. Các lần ông H1, bà Th2, anh Q1 nhận cám của anh H theo như lời khai của anh H thì bà không có mặt ở đó. Ông H1, bà Th2, anh Q1 có bảo bà Th là có lấy cám của anh H vào những ngày nêu trên theo như anh H xuất trình nhưng nếu lấy số lượng cám như trên giấy biên nhận ông H1, bà Th2, anh Q1 ký cho anh H thì cho cá ăn được 03 tháng nhưng thực tế bà thấy chỉ cho cá ăn được 02 tháng thì hết cám. Tiền cám mua của anh H là bà và ông H1, bà Th2, anh Q1 chung nhau nhưng do ông H1, bà Th2, anh Q1 chưa Th toán đầy đủ việc làm ăn chung với bà (ông Q1 còn nợ bà Th tiền thầu lồng cá, ông H1, bà Th2 còn nợ bà Th 01 lồng cá chép chưa Th toán) nên bà Th đề nghị vợ chồng ông H1, bà Th2 và anh Q1 phải trả số tiền cám mà ông H1, bà Th2 và anh Q1 đã nhận của nhà anh H, còn về phía bà sau khi ông H1, bà Th2, anh Q1 và bà Th toán dứt điểm với nhau thì bà sẽ trừ tiền cám cho ông H1, bà Th2, anh Q1. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Lời khai của những người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Q1 trình bày: Anh không quen biết gì anh H và cũng chưa bao giờ giao dịch mua cám của anh H; giữa anh và bà Th có quan hệ làm ăn với nhau (nuôi cá chung). Trong thời gian H1 tác làm ăn với bà Th thì bà Th có nói bà Th quen biết nhiều đại lý bán cám và phần trăm lồng bè của bà Th lớn hơn của anh, nên giữa anh và bà Th thống nhất bà Th là người đứng ra đặt mua cám. Toàn bộ việc liên hệ mua cám, gọi người giao cám, trao đổi giá thành cám đều do một mình bà Th đứng ra giao dịch. Bà Th đặt cám của nhiều đại lý, anh không nhớ tất cả các đại lý nhưng có nhà anh Đình Thọ H ở xã TT, Hện N cung cấp cám. Anh đã 02 lần trực tiếp nhận cám của nhà anh Đình Thọ H bán cho bà Th, cụ thể: Ngày 19/10/2019, anh trực tiếp nhận của anh Cao Mã D (là lái xe chở cám thuê cho nhà anh H) tổng 30 bao cám chủng loại 1055; ngày 21/10/2019, anh trực tiếp nhận của anh Cao Mã D (là lái xe chở cám thuê

cho nhà anh H), tổng giao 100 bao cám chủng loại 1055. Trước mỗi lần anh H giao cám, bà Th đều điện thoại cho anh nói nếu có người giao cám đến thì nhận hộ và xác nhận số lượng cám giao. Sau khi nhận cám, lần nào bà Th cũng đến kiểm đếm lại xem có đúng số lượng hay không. Sau khi bà Th kiểm đếm lại thì anh mới cho cá ăn, sổ sách theo dõi của anh rõ ràng từng ngày cho cá ăn là bao nhiêu bao (anh đã cung cấp tài liệu cho Tòa án). Anh không biết giá tiền thực tế của các loại cám là bao nhiêu vì các đại lý chỉ giao dịch giá cả với bà Th (anh chỉ nhận hộ). Anh làm ăn chung với bà Th từ ngày 06/10/2019 đến ngày 01/12/2019, sau đó giữa anh và bà Th không làm ăn chung nữa, hai bên đã Th toán hết toàn bộ các khoản tiền do làm ăn chung trong đó bao gồm cả tiền cám cá, tiền thuê mặt bằng, hệ thống lồng và tiền cá giống. Đến thời điểm này anh không nợ bà Th bất kỳ khoản tiền nào. Ngày 01/12/2019 bản thân bà Th là người viết nội dung *“Các khoản nợ hai cô cháu đã Th toán xong” “Ngày 01/12/2019 cháu Q1 đã Th toán trả cô Th tiền thầu tám lồng cá (hai năm) theo H1 đồng đã ký ngày 01/12/2019”*. Bà Th cho rằng anh còn nợ bà Th số tiền thầu lồng cá và yêu cầu anh phải trả cho anh H số tiền cám cá là không có căn cứ, anh xác định không giao dịch mua cám của anh H, không nợ tiền cám của anh H và không phải có trách nhiệm trả tiền cho anh H.

Ông Trần H1 và bà Cao Thị Th2 trình bày: Ông H1 và bà Th2 là vợ chồng, vợ chồng ông bà trước đây có quan hệ làm ăn chung nuôi lồng bè cá với bà Th. Trong thời gian làm ăn chung, bà Th là người đứng ra giao dịch mua cám để chăn nuôi cá. Ông bà có đứng ra nhận cám do đại lý cám của anh Đinh Thọ H cung cấp cho bà Th cụ thể các lần sau: Lần 1, ngày 11/10/2019, ông H1 trực tiếp nhận của anh Cao Mã D tổng 100 bao cám chủng loại 882; lần 2, ngày 31/10/2019, bà Th2 trực tiếp nhận của anh Cao Mã D tổng 100 bao cám chủng loại 882; lần 3, ngày 21/11/2019, ông Trần H1 trực tiếp nhận của anh Cao Mã D tổng 100 bao cám chủng loại 882.

Các lần vợ chồng ông bà nhận cám của nhà anh H giao là do bà Th điện thoại nhờ vợ chồng ông bà nhận giúp, ngày nào có cám về bà Th đều gọi điện báo *“hôm nay nhận cám”* và xác nhận số lượng cám giao. Sau khi vợ chồng ông bà nhận hộ cám thì bà Th đều điện hỏi nhận đủ số lượng chưa để bà Th còn xác nhận với anh H. Sau khi nhận cám thì ông bà để trong lều ở gần chỗ nuôi cá chung giữa ông bà và bà Th. Khi cho ăn chở xe rùa xuống cho cá ăn. Thỉnh thoảng bà Th sang kiểm tra lồng cá nuôi, bà Th dặn khi nào hết cám thì ông bà điện cho bà Th để bà Th gọi cám. Các chữ ký của ông bà trong các lần nhận cám của nhà anh H do anh H xuất trình cho Tòa án đều là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông bà. Sau khi hai bên không làm ăn chung nữa, vợ chồng ông bà và bà Th đã Th toán hết cho nhau các khoản, trong đó bao gồm cả tiền cám cá, tiền thuê mặt bằng và hệ thống lồng và tiền cá giống. Đến thời điểm này vợ chồng ông bà không nợ bà Th bất kỳ khoản tiền nào. Bà Th cho rằng vợ chồng ông bà còn nợ bà Th 01 lồng cá chép do ông H1 nhận bán sẽ Th toán trả bà Th, vợ chồng

ông bà xác định lồng cá đó bé không bán được, không có ai mua, vợ chồng ông bà có bảo bà Th mang lồng cá đó về nuôi nhưng bà Th không mang, sau đó cá chết dần, vợ chồng ông bà cũng không bán được đồng nào. Nay bà Th có quan điểm ông bà nhận cám thì phải trả tiền cám cho anh H, sau khi ông bà Th toán hết các khoản nợ cho bà Th thì bà Th sẽ trả lại tiền cám ông bà đã Th toán cho anh H, ông bà không đồng ý. Ông bà xác định không giao dịch mua bán cám với anh H, không nợ tiền cám của anh H và không phải có trách nhiệm trả tiền cho anh H.

Lời khai của những người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị là nhân viên kinh doanh của công ty TNHH TongWei Hải Dương (là công ty cHên sản xuất cám phục vụ nuôi cá). Năm 2019, chị xuống khu lồng bè nuôi cá của một khách hàng ở xã Hiệp Cát, Hện N, tỉnh Hải Dương chơi thì gặp bà Th. Sau khi biết chị là nhân viên kinh doanh của Công ty cám TongWei thì bà Th nói cũng có lồng bè nuôi cá và muốn mua cám của công ty chị. Chị có trao đổi với anh Đình Thọ H là đại lý cám của công ty chị ở khu vực N, giới thiệu anh H bán cám cho bà Th. Chị có dẫn anh H xuống khu vực nuôi cá của bà Th ở xã CH, Hện N, tỉnh Hải Dương để anh H gặp bà Th. Khi gặp bà Th thì giữa bà Th và anh H có trao đổi bằng miệng nội dung bà Th đồng ý lấy cám của đại lý nhà anh Đình Thọ H, hai bên thống nhất phương thức giao nhận cám và nhận tiền. Sau khi hai bên trao đổi việc mua bán cám thì chị được biết có một vài lần đại lý cám của anh H giao cám cho bà Th và bà Th đã trả tiền mặt. Tuy nhiên đến khoảng cuối tháng 9 năm 2019 (đợt nhận hàng từ ngày 30/9/2019) bà Th có lấy cám nhưng lại không trả tiền ngay mà hẹn anh H trong vòng 01 tháng thì trả nhưng sau 01 tháng bà Th không trả tiền cho anh H. Từ đó đến nay nhiều lần anh H xuống đòi tiền bán cám của bà Th nhưng bà Th đều không trả. Anh Đình Thọ H cũng có nhờ chị xuống đòi tiền bà Th hộ (vì chị giới thiệu bà Th mua cám của anh H) nhưng bà Th đều không trả và còn đuổi chị về. Bà Th nói thẳng với chị là “Tao không trả và không thích trả, chúng mày làm gì được tao”. Tại thời điểm cuối năm 2019 thì giá cám công ty chị để cho đại Lý Đình Thọ H chủng loại 1055 là 295.000đ/bao. Công ty TNHH TongWei Hải Dương nơi chị đang làm việc chỉ sản xuất chủng loại cám 1055 chứ không sản xuất chủng loại cám 882. Toàn bộ số cám chủng loại 1055 hiện anh H đang khởi kiện bà Th là cám Công ty TNHH TongWei Hải Dương giao cho đại lý nhà anh Đình Thọ H và anh H bán cho bà Th không liên quan gì đến công ty. Do đại lý anh Đình Thọ H bán cám cho bà Th là sản phẩm của công ty TongWei, vì vậy chị là nhân viên kinh doanh phụ trách đại lý nhà anh H có theo dõi việc nhà anh H bán cám cho bà Th và những lần lấy cám bà Th gọi cho chị là nhân viên của công ty, sau đó chị gọi lại cho đại lý anh H chở cám xuống cho bà Th. Những lần bà Th gọi cho chị để lấy cám là ngày 19/10/2019 bà Th gọi cho chị bảo lấy 30 bao cám và ngày 21/10/2019 bà Th gọi cho chị bảo lấy 100 bao cám loại 1055, cả hai lần trên sau khi bà Th gọi cho chị thì chị đều gọi trực tiếp cho đại lý

nhà anh H để anh H chở cám xuống cho bà Th. Còn các lần khác bà Th gọi trực tiếp cho anh H. Thực tế bà Th không mua cám trực tiếp của Công ty chị vì công ty không bán hàng trực tiếp cho khách hàng lẻ mà chỉ bán hàng cho các đại lý ở các khu vực và bà Th cũng không giao dịch mua bán cám với chị vì chị không phải là chủ đại lý kinh doanh cám. Đối với đại lý nhà anh Đinh Thọ H thì Công ty bán cám cho đại lý anh H và anh H phải trả tiền ngay cho công ty khi chở hàng ra khỏi công ty, còn việc đại lý anh H bán cám cho khách hàng mà nợ thì anh H phải có trách nhiệm thu tiền về mà không liên quan gì đến công ty. Chị không góp vốn làm ăn chung với đại lý cám anh Đinh Thọ H. Đến nay anh H khởi kiện bà Th chị đề nghị Tòa án giải Qu theo quy định của pháp luật.

Anh Cao Mã D trình bày: Anh là lái xe chở cám thuê cho nhà anh H ở TT, N, Hải Dương. Trong thời gian chở thuê cám cho nhà anh H, có 06 lần anh H bảo anh giao cám xuống cho nhà bà Th ở địa phận sông Kinh Thầy, thôn Chi Đoan, xã CH, Hện N, tỉnh Hải Dương. Mỗi lần giao cám, anh đều gọi điện trước cho bà Th và bà Th nói nếu xuống không gặp bà Th ở nhà thì sẽ có người nhận thay và ký giấy mang về. Anh đã giao cám cho nhà bà Th vào các lần cho người nhận như anh H đã trình bày. Những lần anh giao cám nêu trên bà Th chưa trả tiền cho anh H vì nếu bà Th trả tiền thì anh sẽ không viết giấy biên nhận giao cám mà chỉ nhận tiền rồi mang về cho anh H. Còn các lần bà Th nợ lại tiền cám thì anh sẽ viết giấy biên nhận như trên. Anh D xác định toàn bộ chữ viết trong giấy biên nhận anh H giao nộp cho Tòa án là chữ viết của anh, còn lại chữ ký và chữ viết nhận đủ là của những người trực tiếp nhận cám. Anh không biết giá cụ thể của từng bao cám là bao nhiêu vì giá cả thì anh H và bà Th sẽ trực tiếp thỏa thuận với nhau.

Anh Nguyễn Văn Th3 trình bày: Anh là người bốc vác cám do anh H thuê đi cùng lái xe anh D. Anh có biết bà Trần Thị Th thông qua việc giao cám nhà anh H cho bà Th. Anh có khoảng 2 - 3 lần trực tiếp bốc vác cám cá của nhà anh Đinh Thọ H cho bà Trần Thị Th vào năm 2019, 2020. Khi giao cám cho bà Th thì lái xe anh D là người viết giấy giao cám cho người nhận cám là bà Th hoặc người làm thuê của nhà bà Th, anh chỉ là người vận cHển cám từ xe về nơi nuôi cá của bà Th. Còn việc Th toán như thế nào là do anh H Th toán với bà Th chứ anh không biết, nhưng anh xác nhận có việc bà Th mua cám của nhà anh H vào năm 2019 và chính anh là người vận cHển cám từ xe của anh D vào nơi bà Th nuôi cá.

Anh Hoàng Văn H3 trình bày: Anh là nhân viên phát triển thị trường khu vực Hện N của công ty cổ phần Agrifeed Việt Nam (địa chỉ: Thôn Ngọc Lãng, xã Ngọc Lâm, Hện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên). Anh H3 xác nhận có việc bà Th, anh H có giao dịch mua bán cám nuôi cá với nhau, vì anh và anh H từng vài lần đến gặp trực tiếp bà Th tại lồng cá của bà Th ở xã CH, Hện N, tỉnh Hải Dương. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/10/2019 đến ngày 22/11/2019, anh H đã nhập cám của Công ty Agrifeed về

bán cho bà Th như sau: Ngày 11/10/2019, anh H nhập 160 bao cám cá loại AG 882 - 25 (cùng ngày đã giao 100/160 bao cám trên đến lồng cá của bà Th); ngày 31/10/2019, anh H nhập 160 bao cám cá loại AG 882 - 25 (cùng ngày đã giao 100/160 bao cám trên đến lồng cá của bà Th); ngày 22/11/2019, anh H nhập 122 bao cám cá loại AG 882 - 25 (cùng ngày đã giao 100/160 bao cám trên đến lồng cá của bà Th). Sở dĩ anh nắm rõ số lượng cám nêu trên vì nếu anh tiếp thị thành công sản phẩm để khách hàng nhập cám sẽ được tính chi tiết vào doanh thu và cộng dồn vào lương tháng của anh.

Ông Nguyễn Đức L trình bày: Ông là hàng xóm với nhà ông H1, bà Th2. Ông có quen biết bà Th vì bà Th thường xuống khu vực lồng bè nuôi cá chung với ông H1, bà Th2. Khi bà Th và ông H1, bà Th2 không làm ăn chung với nhau thì ông chính là người chứng kiến việc giữa bà Th và vợ chồng ông H1, bà Th2 đã Th toán sòng phẳng việc làm ăn chung với nhau, bao gồm cả tiền mua cám nuôi cá. Thời gian gần đây bà Th có xuống nhà ông nhờ ông ký giấy xác nhận làm chứng cho việc bà Th2, ông H1 còn nợ bà Th số tiền 90 Tr đồng tiền lồng cá để bà Th đối trừ tiền cám cá các lần ông H1, bà Th2 nhận cám nhà anh H nhưng ông không ký xác nhận làm chứng vì ông thấy giữa ông H1, bà Th2 và bà Th đã Th toán hết các khoản khi làm ăn chung với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; 147; khoản 1, 2 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119, 351, 430, 434, 440 của Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị Qu 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Thọ H: Buộc bà Trần Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho anh Đinh Thọ H số tiền mua cám còn nợ lại là: 140.350.000đ (Một trăm bốn mươi Tr ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn Qu định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Th khẳng định đại lý cám của anh H có giao số lượng, chủng loại cám cho lồng cá chung của bà Th như nguyên đơn đã trình bày, nhưng người đặt mua cám là anh Q1, ông H1, bà Th2 chứ bà không đặt mua; nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích H1 pháp

của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải Qu vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND thành phố Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Trần Thị Th trong thời gian luật định, bà Th được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo H1 lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Xuân Tr và ông Vũ Mạnh C tham gia tố tụng; những người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q1, ông Trần H1 và bà Cao Thị Th2 đã được Tr tập H1 lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Th, HĐXX thấy: Bà Th cho rằng bà không mua cám của anh H, bà chỉ mua cám của chị Nguyễn Thị Th vào ngày 30/9/2019 với số lượng 100 bao trị giá 30.500.000 đồng, bà đã trả được 20.000.000 đồng, tuy nhiên, bà Th không đưa ra được căn cứ chứng minh đã trả chị Th 20.000.000 đồng tiền mua cám. Trong khi đó, chị Th khẳng định không bán cám cho bà Th, các lần bà Th gọi điện mua cám, chị đều gọi cho đại lý cám của anh Đinh Thọ H để giao cám cho bà Th và chị Th có nhận hộ anh H số tiền 20.000.000 đồng do bà Th trả. Anh Đinh Thọ H cũng khẳng định bà Th đã mua cám của anh từ ngày 30/9/2019 đến ngày 22/11/2019 với số lượng 130 bao cám loại 1055 (305.000 đồng/1 bao) và 400 bao cám loại 882 (295.000 đồng/1 bao), tổng số tiền cám bà Th mua là 160.350.000 đồng, đã Th toán được 20.000.000 đồng nên còn 140.350.000 đồng. Mặc dù có lần bà Th trực tiếp nhận cám, có lần bà Th nhờ người khác nhận nhưng anh bán cám cho bà Th (vì trước đó anh và bà Th đã thỏa thuận mua bán với nhau), chứ anh không bán cho anh Q1, ông H1, bà Th2. Lời khai của anh H phù H1 với giấy giao nhận cám có chữ ký của người nhận cám (bà Th, anh Q1, ông H1, bà Th2), phù H1 với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q1, ông Trần H1, bà Cao Thị Th2, phù H1 với lời khai của những người làm chứng (chị Th, anh Th3, anh D, anh H3, ông L). Bản thân bà Th cũng xác định các lần ông H1, bà Th2, anh Q1 nhận cám của anh H có bảo với bà; hiện nay những người này còn nợ tiền làm ăn chung với bà nên những người này nhận cám thì phải có trách nhiệm Th toán trả tiền cho anh H, sau này

giữa bà và anh Q1, ông H1, bà Th2 Th toán tiền làm ăn chung với nhau xong thì bà sẽ trả lại tiền cám mà họ đã Th toán. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Th khẳng định đại lý cám của anh H có giao số lượng, chủng loại cám cho lồng cá chung của bà Th như anh H trình bày nhưng xác định người đặt cám là anh Q1, ông H1, bà Th2 chứ không phải bà Th. Điều này chứng tỏ bà Th cũng thừa nhận có việc anh H đã giao cám đến nơi bà nuôi cá và chưa được nhận tiền. Vì vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định từ ngày 30/9/2019 đến ngày 22/11/2019, anh H bán cho bà Th 130 bao cám chủng loại 1055 x 295.000 đồng/bao = 38.350.000 đồng và 400 bao cám chủng loại 882 x 305.000 đồng/bao = 122.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Th mua cám của anh H là 160.350.000 đồng, bà Th đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 140.350.000 đồng. Anh H tự nguyện không yêu cầu bà Th phải trả tiền lãi do chậm trả tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Th phải trả anh H số tiền 140.350.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo bà Th không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Th là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải Qu có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị Qu 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Th; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, 14/12/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đoàn Thị Hương Nhu